

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

Thực hiện Thông tư số 09/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường tiểu học Tiểu La báo cáo thường niên năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Biểu mẫu 1.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Biểu mẫu 2.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Biểu mẫu 3.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Biểu mẫu 4.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Biểu mẫu 5.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 6.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024.
- Công đoàn cơ sở trường Tiểu học Tiểu La có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2023 – 2024 theo Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Chủ tịch UBND quận Sơn Trà.
- Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Liên đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Chi hội từ thiện và bảo vệ quyền trẻ em trường Tiểu học Tiểu La đã có thành tích tốt trong công tác Hội từ thiện và bảo vệ quyền trẻ em năm 2024 theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND phường An Hải Bắc.
- Chi hội khuyến học trường Tiểu học Tiểu La đã có thành tích xuất sắc trong công tác Khuyến học, Khuyến tài và xây dựng xã hội học tập năm 2024



theo Quyết định số 06/QĐ-KHST, ngày 25/12/2024 của Chủ tịch Hội khuyến học quận Sơn Trà.

- Giấy chứng nhận trường Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 10/1/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng.

Kết quả năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Thống kê kết quả		Đạt giải Hội thi các cấp				
			Hoàn thành CTlớp học	Học sinh xuất sắc	cấp trường	cấp quận	cấp thành phố	cấp quốc gia	cấp quốc tế
1	Số học sinh đạt giải các hội thi cấp quận, thành phố, cấp quốc gia, quốc tế					51	122	5	5
2	Số giáo viên dạy giỏi, GVCN giỏi các cấp				36	19	4		
3	Số đề tài nghiên cứu của đơn vị				39	19			

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường tiểu học Tiểu La./.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thúy Nga





TRƯỜNG TH TIỂU LA

Biểu mẫu 01

THÔNG BÁO

Thông tin chung nhà trường – năm học 2024-2025

1. Tên trường: Trường Tiểu học Tiểu La

2. Địa chỉ trụ sở chính: 533 Trần Nhân Tông – Sơn Trà, Đà Nẵng

- Điện thoại: 02363.831266

- Địa chỉ thư điện tử: thtieula.st@danang.gov.vn

- Trang thông tin điện tử của trường: http://tieuhoctieula.edu.vn

- Loại hình công lập, UBND quận Sơn Trà quản lý trực tiếp

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường

a) Sứ mạng

- Xây dựng môi trường học tập an toàn – thân thiện – kỷ cương, khuyến khích năng lực tự chủ và tư duy sáng tạo của học sinh.

- Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, kỹ năng sống, thể chất và thẩm mỹ, đồng thời nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão từ những năm đầu tiên.

- Củng cố sự gắn kết giữa gia đình – nhà trường – cộng đồng, tạo nền tảng hỗ trợ mạnh mẽ cho từng em học sinh.

b) Tầm nhìn

- Trở thành một trong những điểm sáng về chất lượng giáo dục bậc tiểu học trong khu vực quận Sơn Trà, được học sinh yêu thích, phụ huynh tin tưởng và cấp trên đánh giá cao.

- Là môi trường giáo dục tích hợp học thuật cân bằng – sáng tạo – công nghệ số – ngoại ngữ, chuẩn bị cho học sinh năng lực bước vào giai đoạn giáo dục tiếp theo và hội nhập quốc tế.

- Phát triển đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn vững, tận tâm với nghề và ứng dụng hiệu quả công nghệ giáo dục hiện đại.

c) Mục tiêu chiến lược

- Giáo dục phẩm chất và kỹ năng sống: Xây dựng các hoạt động giáo dục tích hợp, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, biết yêu thương, tự bảo vệ và sống có trách nhiệm.

- Nâng cao chất lượng học thuật: Đảm bảo học sinh đạt mức tiến bộ đảm bảo trong các môn học chủ đạo; Phát triển năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh giao tiếp cơ bản), tin học và tư duy logic.



- Phát triển thể chất & năng khiếu: Tổ chức hoạt động thể dục, thể thao định kỳ, tham quan ngoại khóa, trải nghiệm; Khai thác sở trường của học sinh qua các CLB năng khiếu.

- Đổi mới phương pháp & công nghệ: Thúc đẩy mô hình “giờ học sáng tạo” – dạy học tích cực – liên môn – lấy học sinh làm trung tâm; Ứng dụng giáo dục kỹ thuật số: dạy học trực tuyến/học qua mạng (e-learning), sử dụng công cụ đánh giá số.

- Phát triển đội ngũ và văn hóa giáo dục: Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp cho đội ngũ GV – CBVC, hỗ trợ phát triển năng lực cá nhân; Thúc đẩy văn hóa nhà trường: “yêu thương – chia sẻ – trách nhiệm – sáng tạo” giữa học sinh, giáo viên, phụ huynh.

- Hợp tác – cộng đồng: Xây dựng mô hình “Nhà trường – Gia đình – Cộng đồng”

4. Thông tin Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Lê Thị Thúy Nga - số điện thoại: 0988074979
- Địa chỉ thư điện tử: lethithuynga200174@gmail.com



T.T		Tổng số	Trình độ chuyên môn						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CĐ	TC	khá c	IV	III	II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt		
	Tổng số GV,CBQL,NV	75	1	56	2	2	0	0	0	15	25	35	5			
I	Giáo viên															
	Giao vien van hoa	40	1	37	2	2	0	0	0	15	25	35	5			
	GV bộ môn:															
1	Mĩ thuật	2		2						1	1	2				
2	Thể dục	3		3						1	2	3				
3	Âm nhạc	2		2						1	1	2				
4	Tiếng nước ngoài	5		5						3	2	4	1			
5	Tin học	2		2						2		2				
6	Tổng phụ trách	1		1							1	1				
II	Cán bộ quản lý	3		3												
1	Hiệu trưởng	1		1												
2	Phó hiệu trưởng	2		2							1					
III	Nhân viên.	19		3							2					
1	Nhan vien van thur	1				1	1		1							
2	Nhan vien ke toan	1		1					1							
3	Nhan vien y té	1				1			1							
4	Nhan vien thur vién	1		1					1							
5	Công nghệ thông tin	1		1					1							
7	Nhan vien bao vé	2														
8	Nhan vien cap duong	9														
9	Nhan vien phuc vụ	3							3							



TRƯỜNG TH TIỀU LA

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

Thông tin cơ sở vật chất - Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	36	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm (nhờ)	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	11305,2 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2447 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	97,25 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	45 m ²	
3	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	552 m ²	
4	Diện tích phòng GD nghệ thuật (m2)	131,5 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m2)	131,5 m ²	
6	Diện tích phòng tin học (m2)	131,5 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)	22,75 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m2)	22,75 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m2)	131,5 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	397	
1.2	Khối lớp 2	143	
1.3	Khối lớp 3	146	
1.4	Khối lớp 4	260	
1.5	Khối lớp 5	264	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	254	
2.3	Khối lớp 3	251	



2.4	Khối lớp 4	137	
2.5	Khối lớp 5	133	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng (tốt)		
	Phục vụ học tập	70	
	Phục vụ làm việc	11	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	8	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Thiết bị khác: tăng âm, loa đài	4	
X	Nhà bếp	01	
XI	Nhà vệ sinh	Đạt	Đạt
	Dùng cho GV	05	Đạt
	Dùng cho HS	13	Đạt
XII	Nguồn nước sạch	Có	Đạt
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	Đạt
XVII	Kết nối internet (ADSL)	Có	Đạt
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	Đạt
XIX	Tường rào xây	Có	Đạt





TRƯỜNG TH TIỂU LA

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

Thông tin về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục - Năm học 2024-2025

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá (năm 2024):

+ Đạt Mức 1

+ Không đạt Mức 2, Mức 3, Mức 4

+ Tổng số lớp: 35 lớp, 1336 học sinh

+ Đội ngũ: 62 CBGVNV, trong đó có 60 người có trình độ đại học.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

+ **Tiêu chuẩn 1:** Mở rộng sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng vào việc xây dựng chiến lược; tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng nhà đa năng mới.

+ **Tiêu chuẩn 2:** Nâng cao năng lực cho giáo viên trẻ, đào tạo lại cho giáo viên lớn tuổi trong ứng dụng CNTT; tăng cường tự học, tự bồi dưỡng.

+ **Tiêu chuẩn 3:** Tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, duy trì thư viện thân thiện, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học.

+ **Tiêu chuẩn 4:** Phối hợp chặt chẽ hơn với phụ huynh, địa phương, huy động thêm nguồn lực xã hội hóa.

+ **Tiêu chuẩn 5:** Tăng cường hoạt động giáo dục ngoài giờ, rà soát phổ cập, nâng cao chất lượng học sinh.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

- Kết quả đánh giá ngoài (2024 - 2025):

+ Đoàn đánh giá ngoài của Sở GD&ĐT làm việc từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025.

+ Đề nghị công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục sau khi khảo sát chính thức ngày 19-20/12/2024.

+ Kết quả: Trường Tiểu học Tiểu La đạt Kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 1 từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

- Kế hoạch và kết quả cải tiến chất lượng sau ĐGN:

+ Năm 2025: Đẩy mạnh bồi dưỡng giáo viên CNTT, ứng dụng công nghệ AI vào công tác quản lý và giảng dạy, hoàn thiện hồ sơ lưu trữ, tổ chức tập huấn PCCC toàn trường.

+ Năm 2026 - 2029: Triển khai nâng cấp CSVC, xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2025 - 2030 có sự tham gia cộng đồng.

+ Tăng cường phối hợp ba bên (nhà trường - phụ huynh - địa phương) để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

+ Phân đầu đạt mức 2 và 3 trong kỳ kiểm định tiếp theo.





TRƯỜNG TH TIỂU LA

Biểu mẫu 05

THÔNG BÁO

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế - Năm học 2024-2025

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1398	300	282	280	260	276
	Bình quân HS/lớp	38,83	37,5	40,3	40	37,1	39,4
	Nam	759	172	152	151	142	142
	Nữ	639	128	130	129	118	134
	Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0
	Khuyết tật	09	02	02	01	03	01
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		86%	74,1%	81,1%	81,2%	83,7%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		14%	25,9%	18,9%	18,5%	16,3%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0,4%	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		75%	63,8%	67,9%	71,9%	68,1%
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)		24,3%	36,2%	32,1%	28,1%	31,9%
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)		0,7%	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học) (tỷ lệ so với tổng số)	99,8%	99,3%	100%	100%	100%	100%
a	Trong đó : HS được khen thưởng cấp trường(Tỷ lệ so với tổng số)	861 61,9%	200 66,66%	169 59,9%	179 63,9%	152 58,46%	161 58,3%
b	HS được khen thưởng cấp trên(Tỷ lệ so với tổng số)	436 31,2%	84 28%	105 37,5%	39 13,9%	109 41,9%	99 35,9%
2	lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	0,21%	0,67%	0	0	0	0



TRƯỜNG TH TIỂU LA

Biểu mẫu 06

THÔNG BÁO

Thông tin về kết quả tài chính - Năm học 2024-2025

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2024 theo Quyết định số 5789/QĐ- UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND quận Sơn Trà và các quyết định điều chỉnh trong năm cho nhà trường;

Căn cứ quyết định số 263-264 /QĐ-TL ngày 12 tháng 9 năm 2024 của trường TH Tiểu La hành giá dịch vụ vệ sinh năm học 2024-2025;

Căn cứ Thông báo số 312/TB-TCKH ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Phòng Tài chính- Kế hoạch quận Sơn Trà về việc Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Quận Sơn Trà;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG	ĐVT: Đồng NGUỒN CHI	
	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	15.198.645	
DỰ TOÁN GIAO (2)	10.522.886.000	1.176.081.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	1.339.589.987	597.517.000
DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (1+2+3+4)	11.877.674.632	1.773.598.000
QUYẾT TOÁN CHI	11.877.674.632	1.646.406.327
1. Tiền lương	5.316.758.943	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	121.051.716	216.660.337
3. Phụ cấp lương	2.719.111.100	149.203.466
4. Các khoản đóng góp	1.466.874.529	32.009.524
5. Phúc lợi tập thể	586.915.200	
6. Chi thu nhập tăng thêm	637.069.328	
7. Thanh toán dịch vụ công cộng	140.598.591	
8. Vật tư văn phòng	110.695.400	17.000.000
9. Thông tin tuyên truyền, liên lạc	53.586.740	
10. Hội nghị		
11. Công tác phí	49.846.400	
12. Chi phí thuê mướn	231.000.000	
13. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác	197.604.805	301.256.000

chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		
14. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	17.995.000	301.750.000
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	161.431.880	92.000.000
16. Chi khác	62.135.000	
17. Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật		68.550.000
18. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		29.376.000
19. Trợ cấp Tết thành phố		130.410.000
20. Khen thưởng theo NĐ 73		308.191.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	0
CHUYỂN SANG NĂM 2025	0	0

b) Nguồn dịch vụ:

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	VS học đường	CSVC bán trú	Bán trú	QLHS NG	
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ		65.429.400	245.918.000	8.236.038.824		
	Giảm trừ Doanh thu (Thuế GTGT)						
2	Giá vốn hàng bán						
3	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ						
a	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên				280.619.800		
5	Chi phí thuế TNDN						
6	Kết quả kinh doanh dịch vụ						

c) Nguồn khác: thu hộ, chi hộ

- Tiền BHYT học sinh: NH 2024-2025

Tổng thu: 997.391.700 đồng

Chi nộp gia hạn thẻ : 997.391.700 đồng

Kinh phí CSSKBD :

Năm trước chuyển sang: 19.958.832 đồng

Cấp năm 2024: 55.842.650 đồng

Tổng chi: 31.497.517 đồng

+ Còn lại : 44.303.965 đồng

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	100% học sinh được miễn		TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ			
2.1	Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
2.2	Học kỳ II năm học 2024-2025			
3	Đối tượng được hỗ trợ học bổng: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
3.1	Học kỳ 1 năm học 2024-2025	2		
3.2	Học kỳ II năm học 2024-2025	2		

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học		
2	Vệ sinh học đường	đồng/học sinh/năm học		
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710	Thu 12 tháng: 884.520 đồng
4	CSVC hs mới	Đồng/hs /năm	280.000	

5	CSVC hs cũ	Đồng/hs /năm	200.000	
6	Bán trú	Đồng /hs /tháng	882.000	
II	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND
2	Bảo hiểm y tế			
3	CSVC hs mới	Đồng/hs /năm	300.000	
4	CSVC hs cũ	Đồng/hs /năm	250.000	
5	Bán trú	Đồng /hs /tháng	882.000	
III	Năm học 2026-2027			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng		Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
2	CSVC hs mới	Đồng/hs /năm	300.000	
3	CSVC hs cũ	Đồng/hs /năm	230.000	
4	Bán trú	Đồng /hs /tháng	882.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	81.507.291	

